

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2023
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm;
Bà Bùi Thị Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Huyền T – sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 3, khu Hương T, phường Dữu L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H – sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 7, xã Vĩnh L, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

(Hiện chị T, anh H đang ở Đà Loan)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Tất T, sinh năm 1964 và bà Lương Thị H, sinh năm 1968

Đều có địa chỉ: Tổ 3A, khu Hương T, phường Dữu L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T, ông T, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt;
anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đỗ Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh H kết hôn ngày 18/3/2013 tại UBND xã Vĩnh L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không được hòa thuận. Đến ngày 23/8/2013, anh H đi xuất khẩu lao động. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh H không còn liên lạc với chị. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trong thời gian 01 năm chị đi lao động tại Đài Loan, cháu Q tạm thời sẽ do bố, mẹ đẻ chị là ông Đỗ Tất T và bà Lương Thị H chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước. Không đặt ra vấn đề chu cấp nuôi con giữa chị và ông T, bà H.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh Nguyễn Thanh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết, xét xử vắng mặt chị và ủy quyền cho ông Đỗ Tất T nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án, nộp thay án phí.

Chị T cung cấp thông tin anh Nguyễn Thanh H hiện nay đang ở Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể. Chị đề nghị Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ của anh H qua bố, mẹ đẻ của anh H là ông Nguyễn Văn Nở và bà Lê Thị Hoa.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2022 và 26/12/2022, ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H1 trình bày:

Ông, bà là bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Thanh H. Anh H vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại. Ông, bà chỉ biết anh H hiện đang lao động tại Đài Loan còn địa chỉ cụ thể thì ông, bà không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Ông, bà đồng ý nhận thay anh H các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ giao lại cho anh H. Ông, bà đã thông báo việc chị T xin ly hôn cho anh H biết nhưng anh H không có ý kiến gì.

Tại Bản tự khai ngày 20/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Tất T và bà Lương Thị H trình bày:

Ông, bà là bố, mẹ đẻ của chị Đỗ Thị Huyền T. Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2013. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Trong thời gian chị T ở nước ngoài, ông, bà đồng ý sẽ nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi chị T về nước đón

cháu. Ông, bà không cần chị T phải chu cấp tiền nuôi con cho ông, bà. Ông, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà.

Cháu Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

Cháu là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2013. Vì bố cháu đi làm xa và từ nhỏ chưa được gặp bố nên khi bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 51, 53, 56. Điều 81. 82, 83, 123 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 469; khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 228, Điều 479 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án:

Xử cho chị Đỗ Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Q cho chị T nuôi, anh H không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị T. Trong thời gian chị T ở nước ngoài thì tạm giao cháu Q cho ông T bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Người nào không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sẽ được thăm non con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H có hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ Công văn số 22801/QLXNC-P5 ngày 31/10/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh, anh Nguyễn Thanh H đã xuất cảnh ngày 07/8/2013, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Thanh H hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh qua bố, mẹ đẻ của anh H là ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị H1. Ông N, bà H1 xác nhận anh H đang ở Đài Loan, vẫn liên lạc về với gia đình nhưng ông, bà không biết địa

chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Ông, bà cũng đã thông báo cho anh H biết việc chị T xin ly hôn nhưng anh không có ý kiến gì. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh H đăng ký kết hôn ngày 18/3/2013 tại UBND xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không được hòa thuận. Đến ngày 23/8/2013, anh H đi xuất khẩu lao động. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh H không còn liên lạc với chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc được ly hôn anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định chị Đỗ Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2013. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q và không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trong thời gian chị T đi lao động tại Đài Loan, chị đề nghị Tòa án tạm giao cháu Q cho bố, mẹ đẻ chị là ông Đỗ Tất T, bà Lương Thị H chăm sóc cho đến khi chị về nước. Ông T, bà H cũng có quan điểm đồng ý sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q cho đến khi mẹ cháu về nước đón cháu.

Xét thấy anh H hiện đang ở nước ngoài, không có văn bản trình bày quan điểm về vấn đề con chung; cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu lại là nữ nên cần giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu. Trong thời gian chị T đi lao động ở nước ngoài, cần tạm giao cháu Q cho bố, mẹ đẻ của chị T là ông Đỗ Tất T và bà Lương Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T tự nguyện không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt, không có quan điểm về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/12/2013 cho chị Đỗ Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động. Trong thời gian chị T ở nước ngoài, tạm giao cháu Q cho ông Đỗ Tất T và bà Lương Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước đón cháu.

Anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đỗ Thị Huyền T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh H có quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000328 ngày 10/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Đỗ Thị Huyền T, ông Đỗ Tất T và bà Lương Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; anh Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Vĩnh L;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương